TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy.
2. Ông Hoàng Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T - sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Yều Chánh C - sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2022; bản tự khai ngày 07/4/2023 nguyên đơn là Ông Nguyễn Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Yều Chánh C tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1999 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2006. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm sống. Vì những điều này mà vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa với nhau và đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với Bà C nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Yều Chánh C.

- Về con chung: Ông và Bà Yều Chánh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 14/6/2000 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/8/2005. Đối với con chung tên N đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên T thì ông đồng ý giao cho Bà C trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông và Bà C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà Yều Chánh C: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 60/TB-TLVA ngày 16 tháng 3 năm 2023 cho Bà C nhưng không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Bà C không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bà C không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó Bà C không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa Ông T và chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Ông T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông T.

Về con chung: Ông T và Bà Yều Chánh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 14/6/2000 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/8/2005. Tại thời điểm xét xử vụ án thì các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Bà Yểu Chánh C hiện cư trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Minh T yêu cầu khởi kiện ly hôn với Bà Yểu Chánh C, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Ông Nguyễn Minh T là nguyên đơn; Bà Yểu Chánh C là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Bà Yểu Chánh C đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T và Bà C tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ông T: Ông T xin ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và Ông T cũng không còn tình cảm với Bà C. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng Ông T và Bà C thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của Ông T, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng Ông T và Bà C thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Bà C không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện Bà C không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa Ông T và Bà C đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông T, giải quyết cho Ông T được ly hôn với Bà C theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Ông T và Bà Yểu Chánh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 14/6/2000 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/8/2005. Đối với con chung tên N đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Thư, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án do cháu Thư chưa thành niên nên Ông T có ý kiến đồng ý giao cho Bà C trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tại thời điểm Tòa án xét xử vụ án thì cháu Thư đã thành niên

nên không xem xét, giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Thư.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Minh T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Minh T. Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với Bà Yều Chánh C.

2) Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung*:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số 0004166 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông T đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã La Ngà
(giấy CNKH số 70 ngày 25/5/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viển